

# CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC ỨNG DỤNG FINTECH CỦA CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VĨ MÔ HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

PGS. TS. Vũ Duy Vinh - TS. Đỗ Đình Thu\*

Ở Việt Nam, 2/3 dân số cư trú tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Khu vực này là một phân khúc thị trường rất tiềm năng đối với hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô (TCTCVM) khi nhu cầu sử dụng đối với các dịch vụ tài chính ngày càng tăng. Tuy nhiên, đến nay việc tiếp cận dịch vụ tài chính của người dân ở khu vực này còn hạn chế khi mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của các ngân hàng, TCTCVM vẫn còn rất ít và xa nơi sinh sống của họ. Ngược lại, các ngân hàng và các TCTCVM nói riêng cũng gặp thách thức lớn trong việc mở rộng phạm vi và địa bàn hoạt động khi phải cân bằng giữa hiệu quả với chi phí đầu tư vào khu vực này.

Trong vài năm trở lại đây, cùng với sự phát triển của làn sóng Fintech và tỷ lệ tiếp cận điện thoại di động, Internet của người dân khu vực nông thôn, miền núi Việt Nam ngày càng tăng cao, vấn đề trở ngại do khoảng cách địa lý trong tiếp cận dịch vụ tài chính của nhóm dân cư này không còn quá khó khăn. Bài viết tập trung phân tích những cơ hội lớn và cả những thách thức cho việc ứng dụng Fintech ở các TCTCVM nhằm phát triển tài chính toàn diện ở Việt Nam.

• Từ khóa: tổ chức tài chính vi mô; công nghệ Fintech; tài chính toàn diện.

In Vietnam, two-thirds of the population resides in rural, mountainous, remote and isolated areas. This area is a very potential market segment for the operation of microfinance institutions (MFIs) when demand for financial services is increasing. However, the access to financial services of people in this area is limited when the network of branches and transaction offices of banks are still limited. On the contrary, banks and MFIs in particular also face great challenges in expanding their scope and area of operation when balancing efficiency with investment costs in this area. In the past few years, with the development of the Fintech wave and the rate of access to mobile phones, the Internet of people in rural and mountainous areas of Vietnam has been increasing, problems caused by The geographic way of accessing this group's financial services is no longer too difficult. The paper focuses on analyzing the great opportunities and challenges for applying Fintech in MFIs for comprehensive financial development in Vietnam.

• Keywords: microfinance institutions; Fintech technology; Comprehensive finance.

Ngày nhận bài: 4/10/2019

Ngày chuyển phản biện: 6/10/2019

Ngày nhận phản biện: 19/10/2019

Ngày chấp nhận đăng: 23/10/2019

## 1. Những cơ hội ứng dụng Fintech ở các tổ chức tài chính vi mô nhằm phát triển tài chính toàn diện ở Việt Nam

**Một là**, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông của Việt Nam được đầu tư hoàn thiện, tỷ lệ tiếp cận điện thoại di động và Internet của người dân khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa ngày càng cao.

Với những bước tiến khá nhanh về phát triển trong thời gian qua, đến thời điểm hiện tại lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT) của Việt Nam có sự phát triển vượt trội và thiết lập được một cơ sở hạ tầng cơ bản cho sự phát triển của các lĩnh vực khác trong nền kinh tế. Theo Báo cáo Công nghệ Thông tin Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), thứ hạng Chỉ số sẵn sàng kết nối (NRI) của Việt Nam năm 2016 đạt 79/139 nước, tăng 6 bậc so với năm 2015; chỉ số về đánh giá khả năng tiếp cận các dịch vụ CNTT đứng thứ 3/139 nước; giá cước dịch

\* Học viện Tài chính

vụ Internet băng rộng cố định tại Việt Nam đang ở mức thấp nhất thế giới với vị trí xếp hạng 1/139 nước. Thị trường dịch vụ viễn thông, Internet cạnh tranh với chất lượng ngày càng tăng.

Tỷ lệ tiếp cận Internet của người dân Việt Nam nói chung cũng ở mức cao so với mức trung bình thế giới. Hiện nay, Việt Nam có trên 64 triệu người sử dụng Internet, đạt tỷ lệ trên 67% dân số, cao hơn mức trung bình thế giới là 46,64%.

Theo báo cáo khảo sát thị trường năm 2015 - 2016 của Hãng nghiên cứu thị trường Nielsen, hiện nông thôn, miền núi Việt Nam có tới gần 24 triệu người đang sử dụng internet (trung bình hơn 39% dân số khu vực nông thôn, miền núi) và 22,5 triệu người sử dụng Facebook (chiếm khoảng gần 37% dân số khu vực nông thôn, miền núi). Bên cạnh đó, báo cáo của Nielsen cũng cho thấy 90% người tiêu dùng nông thôn, miền núi sở hữu một chiếc điện thoại di động và 50% trong số đó sở hữu điện thoại thông minh.

Đối với các tổ chức tài chính nói chung và các TCTCVM nói riêng, sự phát triển của lĩnh vực CNTT và di động tại Việt Nam trong thời gian qua và trong thời gian tới sẽ mang lại những cơ hội rất lớn khi vấn đề về khoảng cách địa lý là trở ngại lớn nhất trong quá trình cung ứng dịch vụ của các tổ chức tài chính tới khách hàng sẽ có cơ hội bị xóa nhòa nhờ CNTT và Internet với chi phí thấp.

Công nghệ điện thoại di động và Internet sẽ tiếp tục hỗ trợ các ngân hàng, tổ chức tài chính mở rộng mạng lưới tiếp cận tới khách hàng, cho phép cung ứng dịch vụ đến những nơi mà mạng lưới ngân hàng chưa bao phủ, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, miền núi...

**Hai là**, việc tiếp cận dịch vụ tài chính, ngân hàng truyền thống của người dân khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế càng kích thích ứng dụng Fintech ở các tổ chức tài chính vi mô.

Cơ sở hạ tầng cho việc cung ứng dịch vụ thanh toán ở khu vực nông thôn, miền núi hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức đối với các ngân hàng do phải cân nhắc về hiệu quả đầu tư tại các khu vực này. Mật độ chi nhánh trên một đơn vị diện tích thì Việt Nam còn thấp, đứng sau hầu hết các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó, số lượng tài khoản tiền gửi của người dân Việt Nam cũng còn ở mức thấp, đặc biệt là người dân khu vực nông thôn, miền núi. Theo ước tính, chỉ có khoảng

20% - 30% số người Việt Nam trưởng thành có tài khoản tiền gửi tại một tổ chức tài chính chính thức, tỷ lệ này ở khu vực nông thôn, miền núi còn thấp hơn rất nhiều.

Chính sự hạn chế từ mạng lưới cung ứng dịch vụ của các ngân hàng truyền thống cộng với sự bỏ ngỏ của các ngân hàng đối với phân khúc thị trường nông thôn, miền núi là cơ hội để thúc đẩy các TCTCVM áp dụng Fintech mà không cần nhiều sự hiện diện của mạng lưới chi nhánh, điểm giao dịch của các TCTCVM.

**Ba là**, nhu cầu đối với các dịch vụ tài chính nói chung của người dân khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa ngày càng lớn.

Nền kinh tế nước ta đang có bước phát triển nhanh, có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiệu quả hơn. Khu vực nông thôn, miền núi tuy phát triển không nhanh như thành thị nhưng cũng có bước phát triển khá. Thu nhập và đời sống người dân nông thôn, miền núi ngày càng cải thiện hơn, tỉ lệ hộ nghèo ở nông thôn giảm; bộ mặt nông thôn thay đổi theo hướng văn minh; trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật của người dân ở nông thôn, miền núi được nâng lên cao hơn trước. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2011-2016, số hộ phi nông nghiệp tăng gần 1,2 triệu hộ (+23,2%), trong đó số hộ công nghiệp - xây dựng tăng 39,6%; hộ dịch vụ tăng 9,9%.

Bên cạnh sự phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khu vực nông thôn, miền núi thì sự dịch chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị cũng làm gia tăng các nhu cầu sử dụng dịch vụ chuyên tiền, thanh toán tại khu vực nông thôn, miền núi. Việc chuyển tiền được người dân thực hiện chủ yếu thông qua mạng lưới hạn hẹp của các tổ chức tín dụng (TCTD) hoặc qua các kênh dịch vụ của bưu điện hay qua mạng lưới chuyên tiền không chính thức (qua ô tô khách, cửa hàng vàng bạc...). Việc chuyển tiền thông qua các kênh nêu trên có nhiều hạn chế về thời gian, chi phí và nhiều rủi ro phát sinh.

Nhu cầu về các dịch vụ tài chính của người dân ở khu vực nông thôn, miền núi là rất lớn nhưng việc đáp ứng nhu cầu này từ hệ thống các NHTM theo cách truyền thống còn rất hạn chế. Điều này càng mở ra cơ hội cho các TCTCVM là những tổ chức nắm rõ nhất nhu cầu của khu vực này, có thể áp dụng nhiều hơn Fintech trong các dịch vụ TCVM của mình cung cấp cho một khu vực rộng lớn.

## 2. Những thách thức khi ứng dụng Fintech ở các tổ chức tài chính vi mô nhằm phát triển tài chính toàn diện ở Việt Nam

Mặc dù có rất nhiều cơ hội cho các TCTCVM trong phát triển các dịch vụ, sản phẩm TCVM ứng dụng công nghệ tại Việt Nam nhưng cũng sẽ có không ít thách thức cũng như rào cản trong việc triển khai của các tổ chức này, cụ thể:

\* *Thiếu khuôn khổ pháp lý đối với lĩnh vực Fintech nói chung và các sản phẩm dịch vụ tài chính kỹ thuật số nói riêng.*

Mặc dù, trong những năm qua, các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng cụ thể là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chủ động trong việc tiếp cận vấn đề và đối thoại với các doanh nghiệp trong lĩnh vực Fintech để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc nhằm tạo điều kiện cho việc gia nhập thị trường của các công ty này.

Các giải pháp Fintech thường được nghiên cứu và triển khai rất nhanh chóng, song, các quy định của pháp luật thường chưa kịp hình thành để điều chỉnh. Ngay cả đối với các NHTM hiện nay cũng gặp khó khăn trong việc triển khai các giải pháp Fintech trong hoạt động cung ứng dịch vụ khi khuôn khổ pháp lý còn thiếu, ví dụ như các vấn đề liên quan tới ứng dụng công nghệ Blockchain hay xác thực khách hàng từ xa...

Tháng 3/2017, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã thành lập Ban chỉ đạo Fintech của NHNN trong đó được giao nhiệm vụ tham mưu đề xuất với Thống đốc NHNN các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ sinh thái, kể cả hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Fintech ở Việt Nam phát triển, phù hợp với chủ trương, định hướng của Chính phủ. Tuy nhiên, để có thể xây dựng và hoàn thiện được khuôn khổ pháp lý đối với lĩnh vực này, cũng không thể ngay một ngày hai do phạm vi hoạt động rộng của lĩnh vực này và sự liên quan tới nhiều Bộ, ngành khác nhau.

\* *Chưa có hệ thống dữ liệu cá nhân tập trung, phục vụ nhận biết khách hàng cho các tổ chức tài chính.*

Hiện nay, tại Việt Nam, thông tin dữ liệu của công dân được quản lý thông qua hệ thống chứng minh nhân dân và căn cước công dân, tuy nhiên các dữ liệu này chưa được quản lý tập trung, thống nhất qua một kho dữ liệu quốc gia. Hơn nữa, các quy định pháp lý hiện hành cũng chưa cho phép các tổ chức hay cá nhân có quyền được tiếp cận và khai thác thông tin từ các kho dữ liệu công dân này.

Thêm nữa, theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống rửa tiền, các tổ chức tài chính phải gặp mặt trực tiếp khách hàng khi lần đầu thiết lập mối quan hệ và yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin phục vụ nhận biết khách hàng trong các giao dịch liên quan tới công nghệ mới (được định nghĩa là giao dịch cho phép khách hàng thực hiện giao dịch mà không cần gặp mặt trực tiếp nhân viên của đối tượng báo cáo).

Như vậy, với các quy định nêu trên đang là những vấn đề gây khó khăn và thách thức cho các tổ chức Fintech cũng như các tổ chức tài chính trong việc định danh khách hàng khi tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ vốn đang chiếm ưu thế so với các dịch vụ tài chính truyền thống ở quy trình, thủ tục đơn giản.

\* *Đời sống vật chất, tinh thần và trình độ tiếp cận thông tin của người dân khu vực nông thôn, miền núi còn thấp.*

Đời sống của người nông dân ở khu vực nông thôn, miền núi Việt Nam nhìn chung vẫn còn thấp so với mức sống chung của cả nước; mức sống của người dân ở nông thôn, miền núi so với ở thành thị còn quá chênh lệch.

Ở khu vực nông thôn, miền núi, tỷ lệ lực lượng lao động không biết chữ và chưa tốt nghiệp tiểu học còn khá cao, vẫn chiếm 18,26% tổng lực lượng lao động năm 2010; trong khi đó tỷ lệ lực lượng lao động có trình độ này ở khu vực thành thị chỉ có 7,65%. Bên cạnh đó trình độ chuyên môn của lực lượng lao động cả nước còn thấp thể hiện ở tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo còn cao (năm 2018 khoảng 77,1%), tức là chỉ có khoảng 22,9% lực lượng lao động trên 15 tuổi đã qua đào tạo.

Với mức độ thu nhập thấp, trình độ nhận thức và tiếp cận thông tin còn hạn chế sẽ là một rào cản trong việc tiếp nhận và sử dụng các dịch vụ tài chính áp dụng công nghệ cao.

\* *Thói quen tiêu dùng, thanh toán và sử dụng dịch vụ tài chính ở khu vực nông thôn, miền núi*

Tại thị trường nông thôn, miền núi hiện nay, phần lớn người dân chủ yếu gắn bó với các loại hình chợ truyền thống. Ở khu vực nông thôn, miền núi, người dân thường không cần thiết phải dùng tới các dịch vụ ngân hàng vì những khoản chi tiêu, thanh toán của họ không có giá trị lớn, nhiều nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phần lớn là tự cung tự cấp. Do đó,



mọi nhu cầu thanh toán hàng ngày vẫn diễn ra thông qua sử dụng tiền mặt là chính. Đối với lĩnh vực tín dụng, tâm lý chung của người dân nông thôn, miền núi Việt Nam là không muốn vay do tâm lý ngại vay mượn và ngại hoàn thiện các quy trình thủ tục vốn chặt chẽ và khó hiểu so với trình độ và nhận thức của người dân theo yêu cầu của các tổ chức tài chính. Theo số liệu điều tra Tiếp cận nguồn lực hộ nông thôn Việt Nam (VARHS) năm 2015 trong số hơn 38% số hộ nông dân có vay vốn tín dụng chỉ có gần 37% đã vay được tín dụng từ các ngân hàng; có tới hơn 63% vẫn phải vay từ các nguồn phi chính thức như họ hàng, bạn bè thậm chí là tín dụng đen. Hay như đối với lĩnh vực bảo hiểm, do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên nói chung bản thân người dân ở nông thôn vẫn chưa hiểu, chưa mặn mà và không quan tâm tới các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp (BHNN); tâm lý chung của người dân là không sẵn sàng bỏ tiền ra để trả phí bảo hiểm cho một sự thiệt hại không chắc chắn. Theo thống kê của Cục Quản lý và Giám sát bảo hiểm (Bộ Tài chính), tính đến giữa năm 2016, cả nước chỉ có 304.017 hộ nông dân, tổ chức sản xuất nông nghiệp tham gia BHNN, quá khiêm tốn so với tổng số 11 triệu hộ nông dân trên cả nước.

Như vậy, bản thân thói quen, tâm lý của người nông dân cũng chính là những cản trở lớn trong việc phát triển sản phẩm, dịch vụ tài chính của các tổ chức tài chính tại Việt Nam. Văn minh nông nghiệp Việt Nam đã tồn tại hàng nghìn năm, gắn kết người dân với nhau trong một tổng thể vững chắc, vì vậy, việc thay đổi thói quen của người dân nông thôn, miền núi trong việc sử dụng các dịch vụ thanh toán, tín dụng hay bảo hiểm hiện đại là cả một quá trình khó khăn và lâu dài.

### 3. Một số giải pháp để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức trong việc ứng dụng Fintech ở các tổ chức tài chính vi mô nhằm phát triển tài chính toàn diện ở Việt Nam

**Thứ nhất**, các cơ quan quản lý tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý.

NHNN tiếp tục nhiệm vụ quan trọng nhất trước mắt là xây dựng khung pháp lý cho lĩnh vực Fintech, trong đó trước mắt tập trung nghiên cứu một số lĩnh vực, công nghệ mới có tiềm năng ứng dụng cao như: công nghệ blockchain/sổ cái phân tán; kết nối, chia sẻ dữ liệu qua giao diện chương trình ứng dụng mở; định danh và nhận biết khách hàng điện tử...

**Thứ hai**, đối với các tổ chức tài chính vi mô:

- Giảm chi phí, tăng các nguồn thu: Các TCTCVM có thể giảm chi phí hoạt động thông qua: Áp dụng hệ thống quản lý vận hành tốt; sử dụng công nghệ để giảm chi phí; giảm các chi phí hoạt động không cần thiết ở mức tối đa, tiết kiệm chi phí hoạt động; quản lý nợ tốt hơn nữa để giảm chi phí dự phòng rủi ro, tăng cường chia sẻ thông tin tín dụng với các TCTD trong địa bàn để tránh tình trạng chồng nợ; giảm chi phí huy động vốn của TCTCVM thông qua thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế trên thị trường.

- Tăng cường minh bạch hóa thông tin để tăng uy tín và bảo vệ quyền lợi khách hàng.

- Đa dạng hóa dịch vụ, tăng cường chất lượng dịch vụ TCVM cung cấp cho khách hàng, cân bằng giữa các mục tiêu tài chính và xã hội.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các TCTCVM.

- Tuyên truyền cho khách hàng nhận thức được lợi ích của việc sử dụng tài chính kỹ thuật số trong giao dịch với TCTCVM.

**Thứ ba**, đối với người dân là khách hàng của các TCTCVM:

- Người dân là khách hàng của các TCTCVM cần phải thấy được nghĩa vụ tuân thủ các quy định luật pháp liên quan đến lĩnh vực tín dụng, ngân hàng nhất là dịch vụ TCVM.

- Người dân trên cơ sở được trợ giúp của các TCTCVM cần phải có ý thức học hỏi, nâng cao nhận thức về CNTT, công nghệ Fintech để thấy được lợi ích mang lại cho mình.

**Thứ tư**, đối với các công ty Fintech

- Chủ động tìm kiếm các đối tác như TCTCVM để hợp tác phát triển các dịch vụ, sản phẩm phù hợp cho người dân nông thôn, miền núi.

- Nghiên cứu, phát triển và cung cấp các giải pháp hiện đại, đổi mới giúp công tác quản lý tại TCTCVM thêm hiệu quả với chi phí hợp lý.

**Thứ năm**, đối với chính quyền địa phương:

- Hỗ trợ các TCTCVM về nhân sự, cán bộ: Hầu hết các chương trình, dự án TCVM được thực hiện thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể, vì vậy nhân lực quản lý thường không có nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng. Do đó, cần tạo điều kiện bố trí, hỗ trợ các TCTCVM những cán bộ có khả năng quản lý tài chính, am hiểu về tính bền vững tài chính, nhận thức về hoạt động kinh doanh, hoạt động của TCVM.

- Hỗ trợ về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc: Hầu hết các TCTCVM có quy mô nhỏ, thu nhập tài chính từ lãi cho vay chưa đủ bù đắp được chi phí vận hành nên chưa có khả năng đầu tư trang thiết bị, công nghệ thông tin, do đó thiếu sự ổn định và chuyên nghiệp. Do đó, các TCTCVM kiến nghị chính quyền địa phương - với tư cách là đơn vị chủ quản - có chính sách hỗ trợ các TCTCVM về cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, phương tiện làm việc để qua đó từng bước nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ, tiết kiệm thời gian cho nhân viên và phương thức quản lý cũng chuyên nghiệp, chính xác và chặt chẽ hơn.

- Hỗ trợ trong công tác tuyên truyền, vận động: Chính quyền địa phương các cấp, đặc biệt là các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể, tổ chức nghề nghiệp cần có những chương trình vận động, tuyên truyền định kỳ, thường xuyên và liên tục tại các cụm, tổ dân cư để phổ biến, giới thiệu cho dân cư trên địa bàn hiểu biết hơn về lợi ích, hiệu quả về TCVM; đồng thời phối hợp cùng các TCTCVM quản lý, giám sát quá trình hoạt động cho vay của các TCTCVM để bà con yên tâm đồng hành, sử dụng khoản vay hiệu quả.

### Kết luận

Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, công nghệ Fintech và đặc điểm kinh tế - xã hội Việt Nam, các TCTCVM đang đứng trước nhiều cơ hội ứng dụng công nghệ để cung cấp các dịch

vụ TCVM cho người dân ở vùng nông thôn, miền núi. Bên cạnh đó, các TCTCVM cũng đứng trước nhiều thách thức không dễ vượt qua. Với những giải pháp hợp lý, đồng bộ và toàn diện, các TCTCVM sẽ vượt qua được thách thức, tận dụng tốt cơ hội để áp dụng ngày càng mạnh mẽ công nghệ fintech để cung cấp các dịch vụ TCVM ngày càng tốt hơn cho người dân ở vùng nông thôn, miền núi, góp phần phát triển tài chính toàn diện, hiệu quả và bền vững ở Việt Nam. Bài viết là một phần công bố của đề tài: “Giải pháp thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam” (KX.01.30/16-20).

### Tài liệu tham khảo:

PGS.TS. Nguyễn Kim Anh (2014), “Tài chính vi mô Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách”, Nhóm công tác tài chính vi mô Việt Nam.

PGS.TS. Nguyễn Kim Anh (2018), “Ứng dụng công nghệ tài chính (fintech) trong hoạt động tài chính vi mô hướng tới phổ cập tài chính tại Việt Nam”, Nhóm công tác tài chính vi mô Việt Nam.

Bản tin tài chính toàn diện số 1,2,3 (2019), Nhóm công tác tài chính vi mô Việt Nam.

Báo cáo hoạt động 2018, Nhóm công tác tài chính vi mô Việt Nam.

Bộ Khoa học - Công nghệ và Học viện Tài chính (2019), “Thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam: Những vấn đề lý luận, kinh nghiệm thực tiễn của các nước”, Hội thảo khoa học quốc gia.

Ngân hàng Thế giới (2007), “Việt Nam: Xây dựng chiến lược tổng thể để tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính vi mô (của người nghèo)”.

## PHÂN CẤP TÀI KHÓA: MÔ HÌNH LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN...

Xem tiếp trang 61

Trong khi đó, mô hình Na Uy được xây dựng để phục vụ mục tiêu của nhà nước phúc lợi: cung cấp dịch vụ công tới người dân một cách công bằng nhất có thể. Và theo đó, việc cung cấp các dịch vụ công được phân cấp tới chính quyền địa phương. Tuy thế, khía cạnh thu ngân sách lại có tính tập trung cao: một phần lớn nguồn ngân sách của địa phương là từ các khoản tài trợ và chuyển giao của chính quyền trung ương. Điều này để đảm bảo tính kiểm soát của nhà nước và việc điều tiết các nguồn thu để đảm bảo tính công bằng trong cung cấp dịch vụ công. Gần đây, Na Uy đang xem xét các tiếp cận mới đối với mô hình phân cấp tài khóa của mình theo hai hướng: tiếp tục củng cố tính chất phân cấp hành chính của mô hình (kiện toàn việc phân cấp cung cấp dịch vụ công đối với địa phương) và đổi mới để tăng cường tính đồng bộ của các hoạt động thu, chi trong phân cấp tài khóa.

Việt Nam là một nước có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, Việt Nam

đang cần xem xét một mô hình phân cấp tài khóa để nâng cao hiệu quả khu vực công, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt cho các địa phương. Trong dài hạn, Việt Nam cần thiết kế một hệ thống phân cấp tài khóa phục vụ tốt nhất các mục tiêu xã hội. Hai cách tiếp cận ở trên mở ra những gợi ý cho Việt Nam trong việc thiết kế một hệ thống phân cấp tài khóa phù hợp trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

### Tài liệu tham khảo:

OECD, 2019, *Making Decentralization Work – A Handbook for Policy-Makers*.

OECD, 2018, *Subnational governments in OECD Countries: Key Data 2018 edition*.

Isabelle Chatry, 2017, *Fiscal decentralization and subnational finance: strengthening local level capacity*.

Jonathan Gruber, 2016, *Tài chính công và chính sách công (5<sup>th</sup>)*, Macmillan.

Lars-Erik Borge, Jorn Rattso, 2013, *Fiscal federalism: International experiences and the Nordic response*.